

Số: /KH-UBND

Hà Long, ngày tháng 7 năm 2025

KẾ HOẠCH
**Phát triển Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và Chuyển đổi số xã Hà Long năm 2025**

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026;

Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0;

Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thanh Hóa (phiên bản 1.0);

Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021- 2025;

Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025;

Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 20/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 272/KH- UBND ngày 21/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025;

Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57 NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;

Công văn số 1730/SKHCN-CNTT&CĐS ngày 08/7/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch và thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và triển khai toàn diện chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực tại xã Hà Long năm 2025. Mục tiêu là nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, phát triển kinh tế số - xã hội số, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Kế hoạch này được xây dựng bám sát thực tiễn, điều kiện cụ thể của xã Hà Long, có tính đột phá, với các mục tiêu rõ ràng, định lượng và khả thi. Các mục tiêu này gắn liền với việc thực hiện Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP; Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị và các chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền xã.

a) Mục tiêu:

*** Về Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chủ lực của xã.

Khuyến khích và hỗ trợ các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, mô hình sản xuất mới, thân thiện môi trường trong cộng đồng dân cư và các hộ kinh doanh.

Phổ biến kiến thức khoa học công nghệ cho người dân, đặc biệt là các kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin.

*** Về Chuyển đổi số:**

Hoàn thiện hạ tầng mạng viễn thông, đảm bảo kết nối internet ổn định, an toàn đến từng thôn, hộ gia đình trong xã.

Nâng cao năng lực và kỹ năng số cho cán bộ, công chức xã và người dân.

Xây dựng và khai thác hiệu quả dữ liệu số cấp xã, làm cơ sở cho công tác quản lý và cung cấp dịch vụ.

Đảm bảo an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin của xã.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục hành chính.

Thúc đẩy phát triển kinh tế số thông qua việc hỗ trợ các hoạt động thương mại điện tử, sản xuất, kinh doanh trên nền tảng số.

Phát triển xã hội số, nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua các ứng dụng số.

b) Chỉ tiêu (có phụ lục kèm theo)

Gồm 05 nhóm chỉ tiêu, với 21 chỉ tiêu cụ thể:

- (1) Nhóm phát triển hạ tầng: 02 chỉ tiêu;
- (2) Nhóm phát triển nguồn lực: 03 chỉ tiêu;
- (3) Nhóm phát triển khoa học, công nghệ: 01 chỉ tiêu;
- (4) Nhóm phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: 01 chỉ tiêu;
- (5) Nhóm phát triển chuyên đổi số: 14 chỉ tiêu.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo điều hành và tuyên truyền nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

Bám sát nội dung, ý kiến chỉ đạo, các chủ trương, cơ chế, chính sách lớn của BTV Đảng ủy; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc mang tính liên ngành, các điểm nghẽn về thể chế và phân bổ nguồn lực vượt thẩm quyền của địa phương.

Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao và chủ động xử lý các vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và lĩnh vực quản lý.

Phối hợp với các ban, ngành, MTTQ, đoàn thể, UBND xã triển khai thực hiện quyết liệt, kịp thời, có chất lượng các nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch.

Chỉ đạo trung tâm cung ứng dịch vụ công, phối hợp với các ban, ngành, MTTQ, đoàn thể, tích cực, chủ động vào cuộc, tuyên truyền sâu rộng về mục tiêu, ý nghĩa, tình hình, kết quả thực hiện các nội dung liên quan triển khai Kế hoạch trên địa bàn xã, tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội.

2. Thể chế, chính sách

Rà soát, đề xuất cấp trên về quy định, chính sách còn vướng mắc hoặc chưa phù hợp với thực tiễn chuyển đổi số cấp xã

Xây dựng quy chế phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong triển khai các nhiệm vụ CDS, KHCN.

Xây dựng các quy định nội bộ về việc ứng dụng CNTT, sử dụng hệ thống số trong công tác quản lý của xã.

3. Triển khai các nhiệm vụ về KHCN, đổi mới sáng tạo

*** Định hướng ưu tiên của UBND xã Hà Long:**

Ứng dụng khoa học kỹ thuật để cải thiện giống cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã (ví dụ: giống lúa mới, mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học).

Khuyến khích sáng kiến về xử lý rác thải nông thôn, bảo vệ môi trường.

Hỗ trợ các hộ sản xuất, kinh doanh áp dụng công nghệ số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm (ví dụ: sàn thương mại điện tử tạo trang Facebook bán hàng, sử dụng Zalo).

Phát triển 2 sản phẩm OCOP là (Nếp cái Hoa vàng, ổi Quý Hương), Các sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP là (bưởi đỏ ruột hồng, dưa Queen, ST25, Gạo Đài thơm 8). Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, đến nay tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất lúa tại xã, trong đó khâu làm đất đạt 100%, khâu thu hoạch 95%.

4. Triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số

4.1. Hạ tầng số

Phối hợp với các nhà mạng viễn thông để đảm bảo phủ sóng 4G/5G và cáp quang đến các khu vực dân cư còn thiếu.

Đảm bảo các thiết bị CNTT thiết yếu tại trụ sở UBND xã hoạt động ổn định (máy tính, máy in, máy Scan mạng nội bộ...).

Triển khai các giải pháp kết nối, tích hợp các hệ thống thông tin của xã với hệ thống chung của tỉnh.

4.2. Nhân lực số

Xác định nội dung về đào tạo, tập huấn và dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể.

Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho cán bộ, công chức xã (sử dụng phần mềm văn phòng, dịch vụ công trực tuyến, quản lý dữ liệu...). Đảm bảo 100% cán bộ, công chức xã thành thạo các kỹ năng số cơ bản phục vụ công việc.

Thành lập và duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn hoạt động hiệu quả, hỗ trợ người dân.

Tổ chức các buổi hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân (tạo tài khoản dịch vụ công, sử dụng ứng dụng VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt...). Ít nhất 70% người dân có nhu cầu được hướng dẫn và biết cách sử dụng các ứng dụng cơ bản.

4.3. Phát triển dữ liệu số

Số hóa các hồ sơ hành chính, văn bản, tài liệu quan trọng của xã. Ít nhất 80% hồ sơ, tài liệu quan trọng được số hóa, lưu trữ điện tử.

Cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu dân cư, đất đai, hộ kinh doanh trên các hệ thống dùng chung của tỉnh/xã. Dữ liệu chính xác, đầy đủ, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Xây dựng và duy trì Cổng thông tin điện tử của xã để công khai các thông tin quy hoạch, thủ tục hành chính, thông báo. Cổng thông tin điện tử hoạt động hiệu quả, thông tin minh bạch, dễ tra cứu.

4.4. An toàn thông tin mạng

Đảm bảo hệ thống máy tính, mạng nội bộ của xã được bảo vệ bởi phần mềm diệt virus, tường lửa. 100% máy tính, hệ thống mạng được bảo vệ, hạn chế rủi ro an toàn thông tin.

Nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức xã về các nguy cơ mất an toàn thông tin (phishing, mã độc...).

Phối hợp với công an xã để tuyên truyền, cảnh báo người dân về các hình thức lừa đảo trực tuyến. Giảm thiểu các vụ việc lừa đảo liên quan đến công nghệ.

4.5. Chính quyền số

Tiếp nhận và xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia Tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt trên 70%; thời gian giải quyết được rút ngắn.

Triển khai các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành nội bộ của xã (ví dụ: hệ thống quản lý văn bản, lịch họp...). Các ứng dụng được sử dụng thường xuyên, nâng cao hiệu quả làm việc.

Thí điểm ứng dụng các giải pháp đơn giản của AI/Chatgpt để hỗ trợ người dân tra cứu thông tin thủ tục hành chính. Ít nhất 01 công cụ hỗ trợ được triển khai, giảm tải cho cán bộ.

Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại bộ phận một cửa và các dịch vụ công khác của xã. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt tại bộ phận một cửa đạt trên 30%. Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%.

4.6. Kinh tế số và xã hội

Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, thanh toán điện tử.

Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế số trong nông nghiệp, du lịch, dịch vụ.

50% hộ kinh doanh, doanh nghiệp ứng dụng một phần hoạt động kinh doanh trên nền tảng số.

5. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã

Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch. Các báo cáo đánh giá được lập định kỳ (hàng tháng, hàng quý, tổng kết năm).

Tiếp thu ý kiến phản hồi từ người dân, doanh nghiệp về chất lượng dịch vụ công trực tuyến và các hoạt động chuyển đổi số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để đảm bảo Kế hoạch được triển khai hiệu quả, phân công trách nhiệm cụ thể như sau:

1. Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06 (gọi tắt là Ban Chỉ đạo của UBND xã)

Chỉ đạo, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND xã và các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06 và cải cách hành chính trên địa bàn xã.

Chỉ đạo tổng hợp kết quả triển khai của các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã; báo cáo UBND xã hàng tháng, quý, năm và đột xuất; tham mưu cho UBND xã sơ kết, tổng kết theo định kỳ.

2. Văn phòng HĐND và UBND

Thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; chuẩn bị các báo cáo định kỳ.

Quản lý, vận hành hạ tầng công nghệ thông tin của xã.

Đảm bảo việc số hóa, chuẩn hóa dữ liệu dân cư.

Hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội:

Là đầu mối tổng hợp, xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch.

Đảm nhiệm công tác tuyên truyền, truyền thông về KHCN, ĐMST và CDS.

Hỗ trợ phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương (thương mại điện tử, giáo dục số...).

4. Phòng Kinh tế

Tham gia số hóa và quản lý dữ liệu về đất đai, quy hoạch.

Tham mưu về việc bố trí và quản lý nguồn kinh phí cho các hoạt động.

Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.

Trực tiếp triển khai các mô hình ứng dụng KHCN trong nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản.

Hỗ trợ người dân tiếp cận các kiến thức mới, công nghệ mới.

5. Công an xã

Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã.

Phối hợp tuyên truyền, cảnh báo về các loại hình lừa đảo trên không gian mạng.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức thành viên

Tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực tham gia chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong đời sống.

Phối hợp triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng số, tổ công nghệ số cộng đồng.

Tham gia giám sát việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo tại cơ sở.

7. Các thôn:

Thành lập và duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

Trực tiếp triển khai các hoạt động phổ cập kỹ năng số, hỗ trợ người dân tại cơ sở.

Phản ánh các khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn để kịp thời điều chỉnh.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VÀ KINH PHÍ

Nguồn kinh phí sẽ được huy động từ ngân sách xã, các chương trình, dự án của tỉnh, cũng như xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác

(Có phụ lục 02 kèm theo).

VI. Tổng kết, đánh giá và khen thưởng, kỷ luật

Việc tổng kết, đánh giá dựa trên các kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và lồng ghép vào kết quả sơ kết việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, các mô hình hay, cách làm sáng tạo. Đồng thời, xem xét, xử lý nghiêm các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, gây ảnh hưởng đến mục tiêu chung của Kế hoạch.

Yêu cầu các trưởng các phòng, ban đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các thôn, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- TTr Đảng ủy, HĐND (bc);
- Chủ tịch, các PCT UBND (bc);
- Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị (t/h);
- Các trường, trạm y tế, các thôn;
- Các tổ công nghệ cộng đồng;
- Lưu: VT.VHXXH.

CHỦ TỊCH

Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục 1:
CÁC CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU HOÀN THÀNH NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Chỉ tiêu	Kết quả	Phân công nhiệm vụ	
					Thực hiện	Phối hợp
I	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG					
1	Tỉ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	60%		Phòng VH - XH	VNPT
2	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	60%		Phòng VH - XH	VNPT
II	PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC					
3	Tỉ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	85%		Phòng VH - XH	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, TT HCC
4	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	80%		Phòng VH - XH	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, TT HCC
5	Tỉ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80%		Phòng VH - XH	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, TT HCC
III	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ					
6	Tỉ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	52%		Phòng VH - XH	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, TT HCC
IV	PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO					
7	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	%	15%		Phòng Kinh tế	Các doanh nghiệp
V	PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ					
8	Tỉ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	70%		Trung tâm HCC	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, VNXH
9	Tỉ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	70%		Trung tâm HCC	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, VHXH

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Chỉ tiêu	Kết quả	Phân công nhiệm vụ	
					Thực hiện	Phối hợp
10	Tỉ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	70%		Trung tâm HCC	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, VHXXH
11	Tỉ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	80%		Trung tâm HCC	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, VHXXH
12	Tỉ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	70%		Trung tâm HCC	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, VHXXH
13	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100%		VP HĐND - UBND	Các phòng KT, TT HCC, VHXXH
14	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100%		VP HĐND - UBND	Các phòng KT, TT HCC, VHXXH
15	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100%		VP HĐND - UBND	Các phòng KT, TT HCC, VHXXH
16	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	80%		Phòng VH - XH	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, TT HCC
17	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	85%		Phòng VH - XH	Các phòng KT, VP HĐND - UBND, TT HCC
18	Tỉ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	60%		Công an xã	MTTQ
19	Tỉ lệ người dân có chữ ký số	%	35%		Phòng VH - XH	VNPT
20	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	92%		Phòng VH - XH	Trạm y tế
21	Tỉ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	60%		VP HĐND - UBND	Văn phòng Đảng ủy

Phụ lục 2**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CẦN THỰC HIỆN NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Thời gian hoàn thành
1	Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số và kỹ năng số cho cán bộ, công chức xã.	UBND xã	VP HĐND-UBND; Phòng VHXXH	100% cán bộ, công chức xã được đào tạo, nâng cao năng lực sử dụng các hệ thống số.	40	Quý III/2025
2	Thành lập và duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại 17/17 thôn trọng điểm.	UBND xã	VP HĐND-UBND; Phòng VHXXH	Mỗi thôn có 01 Tổ hoạt động hiệu quả, thường xuyên hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.	24	Quý III/2025
3	Triển khai chữ ký số toàn dân	UBND xã	Trung tâm phục vụ Hành chính công, Tổ công nghệ cộng đồng thôn, các đơn vị thôn; Các hội đoàn thể; Các đơn vị viễn thông	Đạt 35% dân có sử dụng chữ ký số	55	Quý III/2025
4	Tuyên truyền chuyển đổi số qua hệ thống truyền thanh, website, fanpage	UBND xã	Phòng VHXXH; TT Cung ứng dịch vụ công	Tăng cường nhận thức cộng đồng, phổ biến rộng rãi dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử	30	Thường xuyên
5	Ứng dụng nền tảng số, trí tuệ nhân tạo AI	UBND xã	Các đơn vị viễn thông, Phòng VHXXH	Đảm bảo 100% cb, cc, đơn vị, DN đều ứng dụng vào hoạt động	35	Quý IV/2025
6	Triển khai mô hình kinh tế số: chợ thanh toán không dùng tiền mặt; hộ kinh doanh ứng dụng TMĐT	UBND xã	Phòng Kinh tế, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp	30-50% hộ kinh doanh ứng dụng TMĐT, thanh toán không dùng tiền mặt	43	Quý IV/2025
7	Kiểm tra, giám sát định kỳ hoạt động KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	UBND xã		Đảm bảo nhiệm vụ triển khai đúng tiến độ, chất lượng	50	3 tháng/lần
8	Cải tạo, nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh thông minh xã	UBND xã	Phòng VHXXH, doanh nghiệp	Đảm bảo kết nối thông tin, truyền truyền phủ sóng 17/17 thôn trên địa bàn xã	3 000	Quý IV/2025
Tổng cộng					3.277.0000.000	

(Bằng chữ: Ba tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng)